

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

1. Thông tin chung

- [1] Tên chương trình: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- [2] Trình độ đào tạo: Đại học
- [3] Ngành đào tạo: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**
Chuyên ngành đào tạo: Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Tổng hợp
Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Marketing
Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Tài chính
- [4] Mã ngành đào tạo: [52340101]
- [5] Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
- [6] Tên Khoa: Khoa Quản trị Kinh doanh
- [7] Trường cấp bằng: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
- [8] Cơ sở tổ chức giảng dạy: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

2. Mục tiêu đào tạo

- [1] Mục tiêu chung:
- + Chương trình đào tạo đại học cung cấp các môn cơ sở ngành và chuyên ngành thuộc các lĩnh vực quản trị, tài chính, marketing, và những kiến thức cơ bản về ý tưởng và dự định khởi nghiệp cho các sinh viên. Nội dung chương trình đào tạo luôn cập nhật những kiến thức mới, tăng cường đào tạo kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm nhằm giúp người học có khả năng quản lý doanh nghiệp hiệu quả, giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực marketing, tài chính doanh nghiệp, và thích nghi nhanh chóng những thay đổi của môi trường kinh doanh hiện đại trong xu thế hội nhập quốc tế.
 - + Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc ở các doanh nghiệp, công ty, các đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, thương mại – dịch vụ, xuất nhập khẩu, tài chính, ngân hàng, và bất động sản.
- [2] Chuẩn đầu ra: Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học sẽ có khả năng:

A. Kiến thức

- CDR_A.01: Nhận biết các vấn đề cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa, pháp luật và quản trị kinh doanh.
- CDR_A.02: Giải thích các kiến thức cơ bản về quản trị như là hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm tra các hoạt động sản xuất, kinh doanh, về hành vi ra quyết định của người tiêu dùng, nghiên cứu thị trường, về hoạt động bán hàng, và quản trị tài chính của doanh nghiệp.
- CDR_A.03: Áp dụng các kiến thức chuyên sâu thuộc các lĩnh vực quản trị kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị marketing để giải quyết những vấn đề phát sinh trong hoạt động ở các doanh nghiệp.
- CDR_A.04: Vận dụng các chức năng hoạch định, tổ chức lãnh đạo, kiểm tra vào những hoạt động sản xuất, kinh doanh, marketing sản phẩm và dịch vụ, tài chính – kế toán để giải quyết các tình huống kinh doanh trong thực tế.



B. Kỹ năng:

- CDR_B.01: Sử dụng bộ kỹ năng làm việc cơ bản: giao tiếp, thuyết trình, tư duy phân biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, và tự học.
- CDR_B.02: Sử dụng tiếng Anh đạt chuẩn tương đương 400 điểm TOEIC, tin học tương đương trình độ B.
- CDR_B.03: Sử dụng được các phần mềm thống kê chuyên ngành.

C. Thái độ:

- CDR_C.01: Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự tin, chủ động sáng tạo, tính kỷ luật cao, thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội, và chấp hành nghiêm túc pháp luật của nhà nước.
- CDR_C.02: Biểu lộ tinh thần hợp tác thân thiện với đồng nghiệp, đối tác.

3. Thời gian đào tạo:

- [1] Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một CTĐT; hay còn gọi là thời gian đào tạo chính khóa.
- [2] Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT bao gồm: Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài. Sinh viên không hoàn thành CTĐT và đã vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên (thôi học).
- [3] Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài để sinh viên hoàn thành CTĐT được quy định theo từng bậc học. Cụ thể như sau:

Bậc học	Thời gian đào tạo chính khóa	Thời gian kéo dài
Đại học	4,0 năm (8 học kỳ chính)	2,0 năm (4 học kỳ chính)

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng tổng số tín chỉ):

- [1] Khối lượng kiến thức toàn khóa: 136 - 137 tín chỉ
- [2] Cấu tạo và tổ chức của chương trình:
 - + Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ
 - Giáo dục thể chất;
 - Giáo dục quốc phòng.
 - + Kiến thức giáo dục đại cương:
 - Kiến thức toán, khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin;
 - Kiến thức chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, phòng chống tham nhũng và bảo vệ môi trường.
 - + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
 - Kiến thức cơ sở ngành (của khối ngành, nhóm ngành, và ngành);
 - Kiến thức chuyên ngành;
 - Kiến thức bổ trợ;
 - Thực tập tốt nghiệp, đề án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp.
 - + Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn, liệt kê các môn học mà sinh viên phải chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp.
- [3] Nhóm các môn học trong chương trình:
 - + Các môn học lý thuyết;
 - + Các môn học lý thuyết có bài tập, thí nghiệm, thực hành;
 - + Các môn học thí nghiệm, thực hành, thực tập tại phòng thí nghiệm, phòng thực hành và xưởng thực tập;
 - + Các môn học có đi thực tập và có làm bài tập lớn;

- + Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
- + Các môn học tự chọn và môn học bắt buộc;
- + Môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng (môn học cấp chứng chỉ).

[4] Phân bố các khối kiến thức trong chương trình đào tạo (CTĐT):

- + **Ngành QTKD chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Tổng hợp:**

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						Tự học
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học cấp chứng chỉ									
Kiến thức Giáo dục chuyên biệt									
- Giáo dục quốc phòng	0		165		90	54.55	75	45.45	240
- Giáo dục thể chất	0		120		0	00.00	120	100.00	60
⇒ Tổng	0		285		90	31.58	195	68.42	300
Môn học trong chương trình đào tạo									
- Kiến thức Giáo dục đại cương									
- Khoa học tự nhiên	15	10.95	255	09.14	180	70.59	75	29.41	420
- Khoa học xã hội	20	14.60	375	13.44	210	56.00	165	44.00	450
⇒ Tổng	35	25.55	630	22.58	390	61.90	240	38.10	870
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp									
- Cơ sở ngành	41	29.93	630	22.58	420	66.67	210	33.33	1200
- Chuyên ngành	51	37.23	765	27.42	495	64.71	270	35.29	1530
⇒ Tổng	92	67.15	1395	50.00	915	65.59	480	34.41	2730
Bài thi tốt nghiệp									
- Thực tập tốt nghiệp	3	02.19	135	04.84	0	00.00	135	100.00	45
- Lý luận chính trị	0	00.00	30	01.08	15	50.00	15	50.00	60
- Đồ án, khóa luận, bài thi tốt nghiệp	7	05.11	315	11.29	0	00.00	315	100.00	105
⇒ Tổng	10	07.30	480	17.20	15	03.13	465	96.88	210
Tổng cộng	137		2790		1410	50.54	1380	49.46	4110

- + **Ngành QTKD chuyên ngành Quản trị Marketing:**

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						Tự học
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học cấp chứng chỉ									
Kiến thức Giáo dục chuyên biệt									
- Giáo dục quốc phòng	0		165		90	54.55	75	45.45	240
- Giáo dục thể chất	0		120		0	00.00	120	100.00	60
⇒ Tổng	0		285		90	31.58	195	68.42	300
Môn học trong chương trình đào tạo									
- Kiến thức Giáo dục đại cương									
- Khoa học tự nhiên	15	10.95	255	09.14	180	70.59	75	29.41	420
- Khoa học xã hội	20	14.60	375	13.44	210	56.00	165	44.00	450
⇒ Tổng	35	25.55	630	22.58	390	61.90	240	38.10	870
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp									
- Cơ sở ngành	41	29.93	630	22.58	420	66.67	210	33.33	1200
- Chuyên ngành	51	37.23	765	27.42	495	64.71	270	35.29	1530
⇒ Tổng	92	67.15	1395	50.00	915	65.59	480	34.41	2730
Bài thi tốt nghiệp									

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						Tự học
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
- Thực tập tốt nghiệp	3	02.19	135	04.84	0	00.00	135	100.00	45
- Lý luận chính trị	0	00.00	30	01.08	15	50.00	15	50.00	60
- Đồ án, khóa luận, bài thi tốt nghiệp	7	05.11	315	11.29	0	00.00	315	100.00	105
⇒ Tổng	10	07.30	480	17.20	15	03.13	465	96.88	210
Tổng cộng	137		2790		1410	50.54	1380	49.46	4110

+ **Ngành QTKD chuyên ngành Quản trị tài chính:**

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						Tự học
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học cấp chứng chỉ									
Kiến thức Giáo dục chuyên biệt									
- Giáo dục quốc phòng	0		165		90	54.55	75	45.45	240
- Giáo dục thể chất	0		120		0	00.00	120	100.00	60
⇒ Tổng	0		285		90	31.58	195	68.42	300
Môn học trong chương trình đào tạo									
- Kiến thức Giáo dục đại cương									
- Khoa học tự nhiên	12	08.82	210	07.53	150	71.43	60	28.57	330
- Khoa học xã hội	20	14.71	375	13.44	210	56.00	165	44.00	450
⇒ Tổng	32	23.53	585	20.97	360	61.54	225	38.46	780
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp									
- Cơ sở ngành	44	32.35	675	24.19	450	66.67	225	33.33	1290
- Chuyên ngành	50	36.76	765	27.42	480	62.75	285	37.25	1470
⇒ Tổng	94	69.12	1440	51.61	930	64.58	510	35.42	2760
Bài thi tốt nghiệp									
- Thực tập tốt nghiệp	3	02.21	135	04.84	0	00.00	135	100.00	45
- Lý luận chính trị	0	00.00	30	01.08	15	50.00	15	50.00	60
- Đồ án, khóa luận, bài thi tốt nghiệp	7	05.15	315	11.29	0	00.00	315	100.00	105
⇒ Tổng	10	07.35	480	17.20	15	03.13	465	96.88	210
Tổng cộng	136		2790		1395	50.00	1395	50.00	4050

5. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) và qua kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- [1] Quy trình đào tạo được thiết kế theo đào tạo tín chỉ, lấy môn học với các học phần làm cơ sở tích lũy kiến thức và tích lũy đủ số tín chỉ của ngành. Sinh viên tự đăng ký môn học và thời khóa biểu theo sự tư vấn của cố vấn học tập.
- [2] Các môn học được bố trí theo học kỳ, năm học và khóa học. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, gồm 15 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập (bao gồm cả kiểm tra giữa kỳ); 02 - 03 tuần dành cho việc thi, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Ngoài học kỳ chính, còn có thể tổ chức học kỳ phụ (còn gọi là học kỳ hè). Học kỳ hè có 02 - 03 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập, 01 tuần cho việc đánh giá tập trung.

- [3] Quy định khi đăng ký môn học và số tín chỉ đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Điều 8, Chương 2 Quy trình đào tạo, Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ, ban hành kèm theo quyết định số 115 - 09/QĐ - DSG - ĐT, ngày 18/03/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
- + Học kỳ chính: Số tín chỉ đăng ký ≥ 14 tín chỉ và ≤ 20 tín chỉ (± 4 tín chỉ)
 - + Học kỳ phụ: Số tín chỉ đăng ký ≤ 06 tín chỉ
 - + Học kỳ chính được bố trí làm bài thi tốt nghiệp cuối khóa: Số tín chỉ đăng ký ≤ 15 tín chỉ (ngoài bài thi tốt nghiệp, số tín chỉ đăng ký cho các môn học khác ≤ 06 tín chỉ).
- [4] Một giờ tín chỉ được tính bằng 45 phút học tập; sau đây gọi chung là TIẾT.
- + Tín chỉ được quy định bằng:
 - 15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - 30 giờ thực tập/Thực hành/thí nghiệm/thảo luận + 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - 45 giờ thực tập tại cơ sở/Thực tập tốt nghiệp;
 - 45 giờ làm tiểu luận/bài tập lớn/đồ án;
 - 45 giờ làm đồ án tốt nghiệp/khóa luận tốt nghiệp/luận văn tốt nghiệp/luận án tốt nghiệp/bài thi tốt nghiệp.
 - + Số tín chỉ của mỗi môn học phải là một số nguyên.
- [5] Điều kiện tốt nghiệp:
- + Sinh viên đạt yêu cầu theo Điều 27, Chương 6 Xét và công nhận tốt nghiệp cuối khóa, Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ, ban hành kèm theo quyết định số 115 - 09/QĐ - DSG - ĐT, ngày 18/03/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

7. Thang điểm đánh giá:

- [1] Yêu cầu chung của môn học theo quy chế:
- + Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài tập kỹ năng ở nhà để tự củng cố kiến thức cho bản thân;
 - + Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học;
 - + Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học;
 - + Sinh viên vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo quy định.
- [2] Để hoàn tất môn học, sinh viên phải “đạt”:
- + Điểm tổng kết môn học $\geq 5,0$ (năm) điểm theo thang điểm 10,0 (mười);
 - + Thực hiện đầy đủ các yêu cầu đánh giá môn học theo trọng số (%) của các điểm thành phần như sau:
 - Điểm quá trình: ----- chiếm (a) %
 - Điểm kiểm tra giữa kỳ: ----- chiếm (b) %
 - Điểm thi cuối kỳ: ----- chiếm (c) %
 - Điểm tổng kết môn học: ----- (a) + (b) + (c) = 100%
 - Trong đó: (a) + (b) $\leq 50\%$ và (c) $\geq 50\%$
 - + Xếp loại đánh giá của môn học: Theo thang điểm 10,0.

Xếp loại	Thang điểm 10,0 điểm	Đáp ứng chuẩn đầu ra môn học
Đạt yêu cầu tích lũy		<i>Đạt CDR môn học theo cấp độ</i>
- Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0	
- Giỏi	Từ 8,0 đến cận 9,0	
- Khá	Từ 7,0 đến cận 8,0	
- Trung bình khá	Từ 6,0 đến cận 7,0	

Xếp loại	Thang điểm 10,0 điểm	Đáp ứng chuẩn đầu ra môn học
- Trung bình	Từ 5,0 đến cận 6,0	
Không đạt yêu cầu tích lũy		<i>Chưa đạt CDR môn học, phải học lại</i>
- Yếu	Từ 3,0 đến cận 4,0	
- Kém	Từ 0,0 đến cận 3,0	

8. Nội dung chương trình:

Quy ước ký hiệu – Xem chi tiết trong phụ lục 1

[1] Ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Tổng hợp

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC										
				KT	TC	Tin chỉ	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN		
			Kiến thức Giáo dục chuyên biệt											
1	HK1	GS99001	Giáo dục thể chất 1	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0		
2	HK1	GS99002	Giáo dục thể chất 2	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0		
3	HK3	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0		
4	HK3	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0		
5	HK4	MI03002	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	[0]	BB	0	165	90	15	60	0	0		
			Kiến thức Giáo dục đại cương			35	630	360	60	210	0	0		
6	HK1	BA13901	Toán C1	[1]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
7	HK3	BA19008	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	[1]	BB	2	45	15	0	30	0	0		
8	HK3	BA19009	Xác suất thống kê	[1]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
9	HK2	GS33004	Toán C2 (ĐH CỬ)	[1]	BB	3	45	45	0	0	0	0		
10	HK2	GS59001	Tin học đại cương	[1]	BB	2	30	30	0	0	0	0		
11	HK2	GS59002	TH Tin học đại cương	[1]	BB	2	45	0	15	30	0	0		
12	HK1	GS19001	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0		
13	HK2	GS19002	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0		
14	HK3	GS19003	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0		
15	HK4	GS19004	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0		
16	HK2	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
17	HK1	GS79001	Những nguyên lý CB CN Mác - Lênin	[2]	BB	4	75	45	0	30	0	0		
18	HK2	GS79002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2	30	30	0	0	0	0		
19	HK3	GS79003	Đường lối CM của Đảng CS VN	[2]	BB	3	45	45	0	0	0	0		
			Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp			92	1395	915	450	30	0	0		
20	HK1	BA19001	Kinh tế vi mô	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
21	HK2	BA19002	Kinh tế vĩ mô	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
22	HK4	BA19003	Phân tích dữ liệu kinh doanh	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
23	HK5	BA19004	Phương pháp định lượng trong quản trị	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
24	HK4	BA29001	Marketing căn bản	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
25	HK3	BA39001	Nguyên lý kế toán	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
26	HK2	BA39002	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
27	HK4	BA39003	Thuế	[3]	BB	2	45	15	0	30	0	0		
28	HK4	BA39006	Thị trường chứng khoán	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
29	HK1	BA49001	Quản trị học	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
30	HK3	BA49003	Giao tiếp kinh doanh	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
31	HK3	BA49004	Luật kinh tế	[3]	BB	3	45	45	0	0	0	0		
32	HK4	BA49006	Phát triển kỹ năng quản trị	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
33	HK4	BA49007	Quản trị hành chính văn phòng	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								
				KT	TC	Tin chí	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN
34	HK5	BA09001	Môn tự chọn 1_QTKD Tổng hợp	[4]	TC	2	30	15	15	0	0	0
35	HK6	BA09002	Môn tự chọn 2_QTKD Tổng hợp	[4]	TC	2	30	15	15	0	0	0
36	HK7	BA09003	Môn tự chọn 3_QTKD Tổng hợp	[4]	TC	3	45	30	15	0	0	0
37	HK7	BA13011	Quản trị dự án	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
38	HK5	BA19005	Quản trị chất lượng	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
39	HK6	BA19006	Quản trị chuỗi cung ứng	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
40	HK6	BA19007	Quản trị vận hành	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
41	HK6	BA29003	Quản trị bán hàng	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
42	HK6	BA29004	Quản trị Marketing	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
43	HK5	BA39009	Quản trị tài chính 1	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
44	HK6	BA39010	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
45	HK7	BA43016	Khởi nghiệp	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
46	HK7	BA43017	Quản trị rủi ro	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
47	HK5	BA49008	Hành vi tổ chức	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
48	HK7	BA49009	Nghiệp vụ ngoại thương	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
49	HK6	BA49010	Quản trị nguồn nhân lực	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
50	HK7	BA49011	Đạo đức kinh doanh	[4]	BB	2	30	15	15	0	0	0
51	HK7	BA49012	Quản trị chiến lược	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
			Nhóm môn tốt nghiệp			10	480	15	15	0	0	450
52	HK8	BA03151	Thực tập tốt nghiệp	[5]	TN	3	135	0	0	0	0	135
53	HK8	BA03152	Bài thi tốt nghiệp [chọn hình thức]	[5]	TN	7	315	0	0	0	0	315
54	HK8	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	[5]	TN	0	30	15	15	0	0	0
			Danh sách môn tự chọn									
1	HK5	BA23007	Nghiên cứu thị trường	[6]	TC	2	30	15	15	0	0	0
2	HK5	BA13010	Hệ thống thông tin quản trị	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0
3	HK6	BA39012	Quản trị ngân hàng thương mại	[6]	TC	2	30	15	15	0	0	0
4	HK6	BA39013	Thanh toán quốc tế	[6]	TC	2	30	15	15	0	0	0
5	HK6	BA29006	Thương mại điện tử	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0
6	HK7	BA29005	Marketing quốc tế	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0
7	HK7	BA49014	Nghệ thuật lãnh đạo	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0
8	HK8	BA03153	ĐA/Khóa luận tốt nghiệp	[6]	TN	7	315	0	0	0	0	315
9	HK8	BA23157	TT_BTTN_Marketing giữa các tổ chức	[6]	TN	2	30	15	15	0	0	0
10	HK8	BA13158	TT_BTTN_Quản trị dịch vụ	[6]	TN	3	45	30	15	0	0	0
11	HK8	BA33159	TT_BTTN_Thị trường tài chính phái sinh	[6]	TN	2	30	15	15	0	0	0

[2] **Ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Marketing**

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								
				KT	TC	Tin chí	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN
			Kiến thức Giáo dục chuyên biệt									
1	HK1	GS99001	Giáo dục thể chất 1	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
2	HK1	GS99002	Giáo dục thể chất 2	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
3	HK3	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
4	HK3	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
5	HK4	MI03002	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	[0]	BB	0	165	90	15	60	0	0
*			Kiến thức Giáo dục chuyên biệt			0	285	90	15	180	0	0
1	HK3	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHÔI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								
				KT	TC	Tin chí	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN
2	HK3	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
3	HK1	GS99001	Giáo dục thể chất 1	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
4	HK1	GS99002	Giáo dục thể chất 2	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
5	HK4	MI03002	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	[0]	BB	0	165	90	15	60	0	0
			Kiến thức Giáo dục đại cương			35	630	360	60	210	0	0
6	HK1	BA13901	Toán C1	[1]	BB	3	45	30	15	0	0	0
7	HK3	BA19008	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	[1]	BB	2	45	15	0	30	0	0
8	HK3	BA19009	Xác suất thống kê	[1]	BB	3	45	30	15	0	0	0
9	HK2	GS33004	Toán C2 (ĐH CŨ)	[1]	BB	3	45	45	0	0	0	0
10	HK2	GS59001	Tin học đại cương	[1]	BB	2	30	30	0	0	0	0
11	HK2	GS59002	TH Tin học đại cương	[1]	BB	2	45	0	15	30	0	0
12	HK1	GS19001	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
13	HK2	GS19002	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
14	HK3	GS19003	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
15	HK4	GS19004	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
16	HK2	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3	45	30	15	0	0	0
17	HK1	GS79001	Những nguyên lý CB CN Mác - Lênin	[2]	BB	4	75	45	0	30	0	0
18	HK2	GS79002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2	30	30	0	0	0	0
19	HK3	GS79003	Đường lối CM của Đảng CS VN	[2]	BB	3	45	45	0	0	0	0
			Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp			92	1395	915	450	30	0	0
20	HK1	BA19001	Kinh tế vi mô	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
21	HK2	BA19002	Kinh tế vĩ mô	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
22	HK4	BA19003	Phân tích dữ liệu kinh doanh	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
23	HK5	BA19004	Phương pháp định lượng trong quản trị	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
24	HK4	BA29001	Marketing căn bản	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
25	HK3	BA39001	Nguyên lý kế toán	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
26	HK2	BA39002	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
27	HK4	BA39003	Thuế	[3]	BB	2	45	15	0	30	0	0
28	HK4	BA39006	Thị trường chứng khoán	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
29	HK1	BA49001	Quản trị học	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
30	HK3	BA49003	Giao tiếp kinh doanh	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
31	HK3	BA49004	Luật kinh tế	[3]	BB	3	45	45	0	0	0	0
32	HK4	BA49006	Phát triển kỹ năng quản trị	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
33	HK4	BA49007	Quản trị hành chính văn phòng	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0
34	HK6	BA09004	Môn tự chọn 1_QT Marketing	[4]	TC	2	30	15	15	0	0	0
35	HK7	BA09005	Môn tự chọn 2_QT Marketing	[4]	TC	2	30	15	15	0	0	0
36	HK7	BA09006	Môn tự chọn 3_QT Marketing	[4]	TC	3	45	30	15	0	0	0
37	HK5	BA19005	Quản trị chất lượng	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
38	HK6	BA19006	Quản trị chuỗi cung ứng	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
39	HK5	BA23008	Hành vi người tiêu dùng	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
40	HK5	BA23009	Nghiên cứu Marketing	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
41	HK7	BA23011	Quản trị quan hệ khách hàng	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
42	HK7	BA23012	Tiếp thị truyền thông và tích hợp	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
43	HK6	BA29003	Quản trị bán hàng	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
44	HK6	BA29004	Quản trị Marketing	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
45	HK5	BA39009	Quản trị tài chính 1	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								
				KT	TC	Tin chi	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN
46	HK6	BA39010	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
47	HK5	BA49008	Hành vi tổ chức	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
48	HK7	BA49009	Nghiệp vụ ngoại thương	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
49	HK6	BA49010	Quản trị nguồn nhân lực	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
50	HK7	BA49011	Đạo đức kinh doanh	[4]	BB	2	30	15	15	0	0	0
51	HK7	BA49012	Quản trị chiến lược	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0
			Nhóm môn tốt nghiệp			10	480	15	15	0	0	450
52	HK8	BA03151	Thực tập tốt nghiệp	[5]	TN	3	135	0	0	0	0	135
53	HK8	BA03152	Bài thi tốt nghiệp [chọn hình thức]	[5]	TN	7	315	0	0	0	0	315
54	HK8	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	[5]	TN	0	30	15	15	0	0	0
			Danh sách môn tự chọn									
1	HK6	BA39012	Quản trị ngân hàng thương mại	[6]	TC	2	30	15	15	0	0	0
2	HK6	BA39013	Thanh toán quốc tế	[6]	TC	2	30	15	15	0	0	0
3	HK7	BA43016	Khởi nghiệp	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0
4	HK7	BA23010	Marketing dịch vụ	[6]	TC	2	30	15	15	0	0	0
5	HK7	BA29005	Marketing quốc tế	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0
6	HK7	BA49014	Nghệ thuật lãnh đạo	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0
7	HK7	BA29006	Thương mại điện tử	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0
8	HK8	BA03153	ĐA/Khóa luận tốt nghiệp	[6]	TN	7	315	0	0	0	0	315
9	HK8	BA23157	TT_BTTN_Marketing giữa các tổ chức	[6]	TN	2	30	15	15	0	0	0
10	HK8	BA13158	TT_BTTN_Quản trị dịch vụ	[6]	TN	3	45	30	15	0	0	0
11	HK8	BA33159	TT_BTTN_Thị trường tài chính phái sinh	[6]	TN	2	30	15	15	0	0	0

[3] Ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Tài chính

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								
				KT	TC	Tin chi	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN
			Kiến thức Giáo dục chuyên biệt			0	285	90	15	180	0	0
1	HK3	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
2	HK3	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
3	HK1	GS99001	Giáo dục thể chất 1	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
4	HK1	GS99002	Giáo dục thể chất 2	[0]	BB	0	30	0	0	30	0	0
5	HK4	MI03002	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	[0]	BB	0	165	90	15	60	0	0
			Kiến thức Giáo dục đại cương			35	630	360	60	210	0	0
6	HK1	BA13901	Toán C1	[1]	BB	3	45	30	15	0	0	0
7	HK3	BA19008	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	[1]	BB	2	45	15	0	30	0	0
8	HK3	BA19009	Xác suất thống kê	[1]	BB	3	45	30	15	0	0	0
9	HK2	GS33004	Toán C2 (ĐH CŨ)	[1]	BB	3	45	45	0	0	0	0
10	HK2	GS59001	Tin học đại cương	[1]	BB	2	30	30	0	0	0	0
11	HK2	GS59002	TH Tin học đại cương	[1]	BB	2	45	0	15	30	0	0
12	HK1	GS19001	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
13	HK2	GS19002	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
14	HK3	GS19003	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
15	HK4	GS19004	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2	45	15	0	30	0	0
16	HK2	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3	45	30	15	0	0	0
17	HK1	GS79001	Những nguyên lý CB CN Mác - Lênin	[2]	BB	4	75	45	0	30	0	0
18	HK2	GS79002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2	30	30	0	0	0	0

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC										
				KT	TC	Tin chi	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN		
19	HK3	GS79003	Đường lối CM của Đảng CS VN	[2]	BB	3	45	45	0	0	0	0		
			Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp			94	1440	930	450	60	0	0		
20	HK1	BA19001	Kinh tế vi mô	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
21	HK2	BA19002	Kinh tế vĩ mô	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
22	HK4	BA19003	Phân tích dữ liệu kinh doanh	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
23	HK5	BA19004	Phương pháp định lượng trong quản trị	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
24	HK3	BA19009	Xác suất thống kê	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
25	HK4	BA29001	Marketing căn bản	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
26	HK3	BA39001	Nguyên lý kế toán	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
27	HK2	BA39002	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
28	HK4	BA39003	Thuế	[3]	BB	2	45	15	0	30	0	0		
29	HK4	BA39006	Thị trường chứng khoán	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
30	HK1	BA49001	Quản trị học	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
31	HK3	BA49003	Giao tiếp kinh doanh	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
32	HK3	BA49004	Luật kinh tế	[3]	BB	3	45	45	0	0	0	0		
33	HK4	BA49006	Phát triển kỹ năng quản trị	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
34	HK4	BA49007	Quản trị hành chính văn phòng	[3]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
35	HK6	BA09007	Môn tự chọn 1_QT Tài chính	[4]	TC	2	30	15	15	0	0	0		
36	HK7	BA09008	Môn tự chọn 2_QT Tài chính	[4]	TC	3	45	30	15	0	0	0		
37	HK7	BA09009	Môn tự chọn 3_QT Tài chính	[4]	TC	2	45	15	0	30	0	0		
38	HK5	BA19005	Quản trị chất lượng	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
39	HK6	BA29004	Quản trị Marketing	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
40	HK6	BA33019	Đầu tư tài chính	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
41	HK6	BA33020	Quản trị tài chính 2	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
42	HK5	BA39004	Kế toán tài chính 1	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
43	HK5	BA39005	Nghiệp vụ ngân hàng	[4]	BB	2	30	15	15	0	0	0		
44	HK7	BA39007	Kế toán quản trị	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
45	HK6	BA39008	Kế toán tài chính 2	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
46	HK5	BA39009	Quản trị tài chính 1	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
47	HK6	BA39010	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
48	HK5	BA49008	Hành vi tổ chức	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
49	HK7	BA49009	Nghiệp vụ ngoại thương	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
50	HK6	BA49010	Quản trị nguồn nhân lực	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
51	HK7	BA49011	Đạo đức kinh doanh	[4]	BB	2	30	15	15	0	0	0		
52	HK7	BA49012	Quản trị chiến lược	[4]	BB	3	45	30	15	0	0	0		
			Nhóm môn tốt nghiệp			10	480	15	15	0	0	450		
53	HK8	BA03151	Thực tập tốt nghiệp	[5]	TN	3	135	0	0	0	0	0	135	
54	HK8	BA03152	Bài thi tốt nghiệp [chọn hình thức]	[5]	TN	7	315	0	0	0	0	0	315	
55	HK8	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	[5]	TN	0	30	15	15	0	0	0	0	
			Danh sách môn học tự chọn											
1	HK6	BA39012	Quản trị ngân hàng thương mại	[6]	TC	2	30	15	15	0	0	0		
2	HK6	BA39013	Thanh toán quốc tế	[6]	TC	2	30	15	15	0	0	0		
3	HK7	BA43016	Khởi nghiệp	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0		
4	HK7	BA23010	Marketing dịch vụ	[6]	TC	2	30	15	15	0	0	0		
5	HK7	BA29005	Marketing quốc tế	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0		
6	HK7	BA49014	Nghệ thuật lãnh đạo	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0		

SỐ	HỌC KỲ	MSMH	KHỐI KIẾN THỨC / MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								
				KT	TC	Tin chỉ	Tổng tiết	LT	BT	TH	ĐA	TN
7	HK7	BA33021	Quản trị chi phí	[6]	TC	3	45	30	15	0	0	0
8	HK7	BA29006	Thương mại điện tử	[6]	TC	2	45	15	0	30	0	0
9	HK8	BA03153	ĐA/Khóa luận tốt nghiệp	[6]	TN	7	315	0	0	0	0	315
10	HK8	BA23157	TT_BTTN_Marketing giữa các tổ chức	[6]	TN	2	30	15	15	0	0	0
11	HK8	BA13158	TT_BTTN_Quản trị dịch vụ	[6]	TN	3	45	30	15	0	0	0
12	HK8	BA33159	TT_BTTN_Thị trường tài chính phái sinh	[6]	TN	2	30	15	15	0	0	0

9. Kế hoạch giảng dạy:

Xem chi tiết trong Phụ lục 2

10. Bảng đối sánh môn học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 3

11. Sơ đồ biểu diễn mối liên hệ - tiến trình môn học trong chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 4

Trình tự sắp xếp các môn học:

- + Việc sắp xếp các môn học trong mỗi học kỳ là nhằm hướng sinh viên theo học đúng trình tự đó. Điều này cũng nêu lên tính chất tiên quyết của các môn học.
- + Ví dụ: Một môn học X nào đó được tổ chức học tập tại học kỳ thứ (i), có nghĩa là ở các học kỳ trước đó (i - 1) đã phải tổ chức học tập một hay vài môn học nhằm chuẩn bị kiến thức cơ sở cho việc học môn X. Do đó phải tuân thủ tiến trình sắp xếp các môn học trong chương trình đào tạo. Và đôi khi, môn X có thể có tác dụng chuẩn bị để học môn Y sau đó ở học kỳ thứ (i + 1)
- + Cũng có một vài trường hợp đặc biệt, do không sắp xếp được, nên có khái niệm môn học song hành – môn học B là song hành với môn học A là môn học mà lẽ ra phải được học trước, ít ra với một số phần, so với môn A nhưng do những lý do bất khả kháng, phải bố trí cho sinh viên theo học đồng thời với môn học A.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo:

[1] Nội dung chương trình đào tạo:

- + Phần chung toàn trường:
 - Tất cả các ngành đều có một số môn học chung – đó là phần chung toàn trường, ví dụ như các môn Khoa học Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán cao cấp, Vật lý, Hóa học, Ngoại ngữ, Tin học đại cương, Tiếng Anh và Pháp luật Việt Nam đại cương đây là những môn học bắt buộc đối với mọi sinh viên.
- + Phần chung của một số ngành:
 - Giữa một số ngành liên quan có thể có các môn học chung. Các môn học này có thể được tổ chức giảng dạy ngay từ đầu học kỳ thứ nhất, hoặc có môn được dạy vào cả học kỳ cuối cùng trong chương trình đào tạo.
 - Việc giảng dạy của một số môn học này có thể không thuộc Khoa quản lý ngành phụ trách, mà lại do một Khoa khác phụ trách.
- + Các môn học của ngành:
 - Các môn học của ngành được trình bày dưới dạng “tiến trình diễn biến” trong các chương trình đào tạo, tức bố trí dạy trước sau theo một thứ tự hợp lý.

[2] Phân loại môn học – ký hiệu phân loại môn học:

- + Môn học bắt buộc -----Ký hiệu: [BB]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.
- + Môn học tự chọn -----Ký hiệu: [TC]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.
- + Môn học thay thế = Môn học tương đương----- Ký hiệu: [TT/TD]
 - Môn học thuộc CTĐT của khóa – ngành đang được tổ chức giảng dạy tại Trường mà sinh viên được phép học, tích lũy để thay thế cho môn học khác trong CTĐT của ngành đào tạo. Khái niệm môn học thay thế được sử dụng khi môn học vốn có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy (hoặc trong học kỳ đang xét không tổ chức giảng dạy) và được thay thế bằng môn học khác. Môn học thay thế sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất trong quá trình triển khai CTĐT trong thực tế.
 - Trong chương trình đào tạo của các ngành có một số môn học mà việc tổ chức giảng dạy và học tập không phải do Khoa quản lý ngành phụ trách mà do một Khoa khác chịu trách nhiệm. Điều đó cũng có nghĩa là trong các chương trình đào tạo có thể có một số môn học trùng tên nhau (Ví dụ như môn Tin học chuyên ngành 1 ở các ngành khác nhau), nhưng nội dung được xây dựng có nhiều phần khác nhau, nhằm phục vụ cho những đối tượng khác (đương nhiên cũng có nhiều phần giống nhau). Việc xét tương đương môn học khi sinh viên chuyển ngành, chuyển khóa đào tạo sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất.
- + Môn học trước, môn học song hành, môn học sau, môn học tiên quyết:
 - Việc sắp xếp các môn học trong mỗi học kỳ là nhằm hướng sinh viên theo học đúng trình tự đó. Điều này cũng nêu lên tính chất tiên quyết của các môn học.
 - Ví dụ: Một môn học X nào đó được tổ chức học tập tại học kỳ thứ (i), có nghĩa là ở các học kỳ trước đó (i – 1) đã phải tổ chức học tập một hay vài môn học nhằm chuẩn bị kiến thức cơ sở cho việc học môn X. Do đó phải tuân thủ trình tự sắp xếp các môn học trong chương trình đào tạo. Và đôi khi, môn X có thể có tác dụng chuẩn bị để học môn Y sau đó ở học kỳ thứ (i + 1)
 - Cũng có một vài trường hợp đặc biệt, do không sắp xếp được, nên có khái niệm môn học song hành – môn học B là song hành với môn học A là môn học mà lẽ ra phải được học trước, ít ra với một số phần, so với môn A nhưng do những lý do bất khả kháng, phải bố trí cho sinh viên theo học đồng thời với môn học A.
 - o Môn học tiên quyết -----Ký hiệu: [TQ]
 - o Môn học trước -----Ký hiệu: [Tr]
 - o Môn học song hành -----Ký hiệu: [SH]
- + Quy ước về điểm số của môn học trước hay môn học tiên quyết:
 - Sinh viên phải có điểm số của môn học trước lớn hơn 0,0 điểm (không điểm) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.
 - Sinh viên phải có điểm số của môn học tiên quyết hơn 5,0 điểm (năm điểm – điểm đạt) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.

[3] Mã số môn học – ký hiệu liên quan đến mã số môn học

- + Môn học được thể hiện:
 - Mã số môn học: -----[GS59001]
 - Tên môn học: ----- Tin học đại cương
 - Tín chỉ: ----- 2[2.0.4]

- + Có thể đọc và hiểu như sau:
 - Mã số “GS5” thể hiện Khoa/Ban chuyên môn phụ trách giảng dạy môn học.
 - o GS: Môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (General Study)
 - o GS5: Bộ môn Tin học đại cương, thuộc Khoa Công nghệ Thông tin.
 - Môn Tin học đại cương, 2 tín chỉ gồm khối lượng học tập trong 1 học kỳ như sau:
 - o 2 x 15 tiết lý thuyết/bài tập trên lớp;
 - o 0 x 30 tiết thí nghiệm/thực hành /thảo luận tại phòng thí nghiệm/xưởng thực hành/phòng chuyên đề/phòng học/phòng máy;
 - o 4 x 15 giờ tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

13. Mô tả tóm tắt môn học:

[MI03002] Giáo dục quốc phòng (ĐH)-----Tín chỉ: 0[6.3.16]

[GS99001] Giáo dục thể chất 1 ----- Tín chỉ: 0[0.1.1]

- + Phần lý thuyết: Một số vấn đề về quan điểm, đường lối và chủ trương của Đảng và nhà nước về công tác thể dục thể thao (TDTT) trong giao đoạn mới, mục đích, nhiệm vụ và yêu cầu của Giáo dục thể chất (GDTC) với sinh viên, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT.
- + Phần thực hành: Nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết về kỹ năng vận động, thể lực chung của môn điền kinh (Chạy cự ly trung bình: nam: 1500m, nữ: 800m) và môn thể dục (đội hình, đội ngũ, bài tập thể dục phát triển chung)

[GS99002] Giáo dục thể chất 2 ----- Tín chỉ: 0[0.1.1]

- + Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng chày, luật bóng chày, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
- + Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng và đập bóng)

[GS93003] Giáo dục thể chất 3 ----- Tín chỉ: 0[0.1.1]

- + Phần lý thuyết bao gồm các nội dung về: nguồn gốc, quá trình phát triển môn bóng rổ trên thế giới và phong trào bóng rổ ở Việt Nam; Tác dụng của môn bóng rổ đối với nhân cách và thể chất người tập; Luật bóng rổ và thiết bị sân bãi, dụng cụ; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.
- + Phần thực hành: Sinh viên tập luyện để nắm bắt được các kỹ thuật cơ bản của bóng rổ; Chiến thuật cơ bản; Thực tập thi đấu và trọng tài; Tổ chức thi đấu bóng rổ phong trào.

[GS93004] Giáo dục thể chất 4 ----- Tín chỉ: 0[0.1.1]

- + Phần lý thuyết bao gồm các nội dung về: chiến thuật và đề phòng chấn thương; một số trạng thái xấu của cơ thể và sơ cứu trong TDTT.
- + Phần thực hành: Sinh viên tập luyện để nắm bắt được kỹ thuật; Chiến thuật cơ bản của bóng rổ. Chiến thuật tấn công và phòng thủ liên phòng. Thực tập thi đấu; Trọng tài và tổ chức thi đấu môn bóng rổ.

[GS59001] Tin học đại cương----- Tín chỉ: 2[2.0.4]

- + Môn Tin học đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương tổng quan về máy tính, các hệ thống số và cách biểu diễn thông tin trong máy tính. Các kiến thức chung về hệ điều hành, các ứng dụng cụ thể: hệ điều hành Windows XP, kiến thức Internet và ứng dụng, phần mềm soạn thảo văn bản MS Word, phần mềm xử lý bảng biểu MS Excel, phần mềm thiết kế trình diễn Powerpoint.
- + Chú trọng các kiến thức kỹ năng căn bản sử dụng máy tính cho sinh viên các ngành đào tạo khác nhau trong trường

[GS59002] Thực hành Tin học đại cương----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Nội dung tóm tắt:
 - Cung cấp các kiến thức nền tảng về tin học
 - Nắm được các thành phần chính của PC, nguyên lý hoạt động.
 - Hiểu và sử dụng tốt Hệ điều hành Windows.
 - Sử dụng phần mềm Microsoft Word, Excel, Powerpoint -----
 - Internet và một số dịch vụ: Mail, WEB, Chat, FTP.....

- [BA13901] Toán C1 ----- Tín chi: 3[3.0.6]
 - + Môn học tập trung vào việc hiểu các khái niệm và ứng dụng của giải tích trong quản trị, kinh doanh và kinh tế. Các chủ đề sẽ được truyền tải đến sinh viên bao gồm hàm số (bậc nhất, bậc hai, đa thức, hữu tỉ, mũ và lô-ga-rít) và đồ thị; đạo hàm (một biến và nhiều biến); tích phân bất định; tích phân xác định; hàm nhiều biến; và các ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong quản trị, kinh doanh và kinh tế. Sinh viên sẽ sử dụng Microsoft Excel để giải toán. Excel được chọn dùng vì nó phổ biến và dễ sử dụng.

- [GS33004] Toán C2 ----- Tín chi: 3[3.0.6]
 - + Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của đại số tuyến tính. Nội dung cụ thể gồm:
 - Ma trận
 - Hệ phương trình tuyến tính
 - Định thức
 - Không gian véctơ
 - Chéo hóa ma trận.

- [GS19001] Tiếng Anh 1 ----- Tín chi: 2[1.1.2]
 - + Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên vốn kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và những kiến thức cơ bản giao tiếp về một số chủ điểm thông thường. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.

- [GS19002] Tiếng Anh 2 ----- Tín chi: 2[1.1.2]
 - + Môn học Tiếng Anh 2 nhằm củng cố các kiến thức và kỹ năng mà sinh viên đã đạt được ở Tiếng Anh 1; đồng thời cung cấp cho sinh viên vốn kiến thức mới về ngữ pháp, từ vựng và những kiến thức cơ bản về giao tiếp theo các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch, các lĩnh vực quan tâm, các sự kiện đang diễn ra. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.

- [GS19003] Tiếng Anh 3 ----- Tín chi: 2[1.1.2]
 - + Môn học Tiếng Anh 3 nhằm rèn luyện và củng cố các kiến thức và kỹ năng mà sinh viên đã đạt được ở Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2; đồng thời cung cấp và mở rộng cho sinh viên vốn kiến thức mới về ngữ pháp, từ vựng, kiến thức giao tiếp về các tình huống xã hội hàng ngày cũng như trong công việc quen thuộc thường nhật. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.

- [GS19004] Tiếng Anh 4 ----- Tín chi: 2[1.1.2]
 - + Môn học Tiếng Anh 4 nhằm rèn luyện và củng cố các kiến thức và kỹ năng mà sinh viên đã đạt được ở Tiếng Anh 1, 2 và 3; đồng thời giúp sinh viên mở rộng vốn kiến thức mới về ngữ pháp, từ vựng, kiến thức giao tiếp trong các tình huống cuộc sống hàng ngày và trong công việc. Với kiến thức đã học, người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ của mình nhằm phục vụ cho công việc sau này. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.

[GS29001] Pháp luật Việt Nam đại cương ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Cung cấp những khái niệm cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Vai trò và giá trị xã hội của Nhà nước và Pháp luật trong đời sống xã hội.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản về tổ chức Bộ máy nhà nước CHXHCNVN.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản của các ngành luật: Luật Hiến pháp; Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự; Luật Dân sự, Luật tố tụng Dân sự; Luật Lao động; Luật Hôn nhân gia đình; và khái quát các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

[GS79001] Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin ----- Tín chỉ: 4[3.1.6]

- + Triết học Mác - Lênin nghiên cứu quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.
- + Kinh tế chính trị học Mác - Lênin nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- + Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

[GS79002] Tư tưởng Hồ Chí Minh ----- Tín chỉ: 2[2.0.4]

- + Cấu trúc nội dung môn học bảo đảm sự thống nhất trong việc trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- + Môn học cung cấp hệ thống kiến thức về cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Liên hệ với thực tiễn tư tưởng Hồ Chí Minh như là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam được thể hiện trong đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật Nhà nước.

[GS79003] Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam ----- Tín chỉ: 3[3.0.6]

- + Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học mang tính tích lũy tri thức từ các môn học khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và một số môn học chuyên ngành khác. Nghĩa là, ngoài việc tiếp cận theo phương pháp lịch sử cần vận dụng tri thức của các môn học gắn với đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo.
- + Nội dung chủ yếu của môn học này là làm rõ quá trình hình thành, phát triển đường lối cách mạng Việt Nam trên các lĩnh vực cơ bản, trong đó chú trọng làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và nội dung đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

[BA19001] Kinh tế vi mô ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô liên quan đến: cung; cầu; sự hình thành giá cả; thị trường; những quy tắc chi phối đến hành vi tiêu dùng và hành vi sản xuất; Các loại thị trường: Cạnh tranh, độc quyền, cạnh tranh độc quyền, độc quyền nhóm, các yếu tố sản xuất; Các tác động của một số chính sách của chính phủ đến người tiêu dùng, và người sản xuất.

[BA19008] Tin học ứng dụng trong kinh doanh ----- Tín chỉ: 2[1.1.3]

- + Môn học này giới thiệu phần mềm máy tính Microsoft Word, Microsoft PowerPoint & Microsoft Excel. Sinh viên sẽ thực hành ứng dụng các phần mềm nêu trên bằng các ví dụ thực tế nhằm hoàn thiện kỹ năng, và biến chúng thành các công cụ hữu ích hỗ trợ hiệu quả cho việc học tập tất cả các môn học khác cũng như cho việc đi làm sau này.

[BA19009] Xác suất thống kê ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung. Phần xác suất, nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về xác suất - cơ sở toán học của thống kê, bao gồm xác suất căn bản, biến ngẫu nhiên và một số phân phối xác suất rời rạc và liên tục thông dụng. Phần thống kê giới thiệu các phương pháp

dùng để thu thập dữ liệu; tóm tắt và trình bày dữ liệu bằng bảng và đồ thị; tóm tắt dữ liệu bằng các đặc trưng đo lường; ước lượng, kiểm định giả thuyết về một tham số tổng thể và hồi quy tuyến tính đơn. Sinh viên sẽ sử dụng Microsoft Excel và Excel Add-ins để xử lý và phân tích dữ liệu. Excel được chọn dùng vì nó phổ biến và dễ sử dụng.

[BA19002] Kinh tế vĩ mô ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học Kinh tế vĩ mô nghiên cứu về hành vi tổng thể của một nền kinh tế. Chủ đề chủ yếu của môn học là phân tích lần lượt các mô hình kinh tế như là tổng thu nhập, tổng chi tiêu, tổng cung – tổng cầu, cách tính tổng thu nhập quốc gia (chỉ tiêu GDP), và nghiên cứu những vấn đề cơ bản bao gồm thất nghiệp, lạm phát, chu kỳ kinh doanh, tăng trưởng kinh tế, vai trò của tiền tệ, lãi suất, các chính sách ổn định kinh tế như là chính sách tiền tệ, chính sách tài chính, và cân cân thanh toán.

[BA19003] Phân tích dữ liệu kinh doanh ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học này giới thiệu một số phương pháp dùng để xử lý và phân tích dữ liệu nghiên cứu đa biến cho các ứng dụng trong kinh doanh. Nội dung của môn học bao gồm suy diễn thống kê cho hai tổng thể, kiểm định sự phù hợp và sự độc lập, phân tích phương sai, kiểm định phi tham số, hồi quy tuyến tính đơn, hồi quy bội, và phân tích dãy số thời gian và dự báo. Sinh viên sẽ sử dụng Microsoft Excel và Excel Add-ins để xử lý và phân tích dữ liệu.

[BA19004] Phương pháp định lượng trong quản trị ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng về các phương pháp phân tích định lượng, áp dụng trong kinh tế và kinh doanh bao gồm cơ sở của lý thuyết ra quyết định; mô hình phân tích ra quyết định ứng với từng môi trường cụ thể; lý thuyết và các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính; các bài toán ra quyết định đa mục tiêu. Ngoài ra, sinh viên sử dụng các phần mềm chuyên ngành như Excel, Excel QM, QM for Windows để giải quyết các bài toán ra quyết định và phân tích định lượng, rèn luyện thêm kỹ năng thuyết trình, và làm việc nhóm.

[BA29001] Marketing căn bản ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt thì các doanh nghiệp cần nỗ lực khám phá các phương thức mới để kiến tạo hình ảnh sản phẩm/dịch vụ trong tâm trí khách hàng. Marketing là một giải pháp sáng tạo cho sự phát triển của doanh nghiệp. Môn học này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng căn bản về marketing hiện đại trong bối cảnh cạnh tranh bao gồm các chủ đề: nguyên lý marketing, phân khúc thị trường, định vị hàng hoá trên thị trường, phân tích hành vi khách hàng, và chiến lược marketing hỗn hợp. Kỹ năng sinh viên được rèn luyện bằng các bài thảo luận tình huống để giải quyết vấn đề, tăng cường hợp tác giữa sinh viên hướng tới đáp ứng nhu cầu nhân lực marketing có trình độ chuyên môn cao và kỹ năng tốt phù hợp yêu cầu cấp bách cho các doanh nghiệp Việt Nam nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

[BA39002] Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Nội dung môn học cung cấp sinh viên khả năng nhận biết những vấn đề liên quan đến tài chính - tiền tệ, cụ thể đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, tín dụng, lãi suất, tiền tệ hay những vấn đề liên quan đến lạm phát và thị trường tài chính, đồng thời, nghiên cứu và vận dụng chính sách tài chính, chính sách tiền tệ vào thực tế.

[BA39001] Nguyên lý kế toán ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán gồm: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình

thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

[BA39006] Thị trường chứng khoán ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, giúp sinh viên có khả năng tìm hiểu và nghiên cứu về các hoạt động trên thị trường chứng khoán. Các chủ đề môn học là định giá chứng khoán, các phương pháp phân tích chứng khoán cơ bản, phát hành và niêm yết chứng khoán, hoạt động và giao dịch trên thị trường chứng khoán, các chức năng, cấu trúc, công cụ, cũng như các định chế tài chính trung gian thường gặp nhất.

[BA39003] Thuế----- Tín chỉ: 2[1.1.2]

- + Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức, lý luận nền tảng về thuế, nhằm giúp sinh viên hiểu được tại sao lại phải có thuế; quá trình phát triển của hệ thống thuế Việt Nam, và đặc biệt là những nội dung cụ thể của các Luật thuế đang được áp dụng hiện nay như là thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên. Bên cạnh đó, sinh viên còn được học cách đọc và hiểu văn bản thuế.

[BA49001] Quản trị học----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học tập trung nghiên cứu những vấn đề về tổ chức và hoạt động quản trị như thế nào nhằm hoàn thành những mục tiêu chung và đạt hiệu quả cao trong công tác quản trị. Môn học trình bày những khía cạnh cơ bản của quản trị như khái niệm quản trị, nhà quản trị, chức năng, vai trò của họ; môi trường hoạt động kinh doanh của tổ chức; cách thức và các mô hình ra quyết định của nhà quản trị; thông tin trong tổ chức; 4 chức năng của quản trị bao gồm hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra và những vấn đề liên quan; và các lý thuyết quản trị cung cấp kiến thức nền tảng giúp các nhà quản trị giải quyết các tình huống quản trị thực tiễn.

[BA49003] Giao tiếp kinh doanh ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Trong môi trường làm việc, giao tiếp là cần thiết để cá nhân hay tổ chức đạt được hiệu quả công việc và kinh doanh. Các bài học trong môn học này giúp sinh viên hiểu và thực hành các kỹ năng bao gồm nói, lắng nghe, viết và trình bày các nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh, đồng thời biết cách ứng dụng kiến thức và kỹ năng giao tiếp trong thời gian tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp và trong cuộc sống.

[BA49004] Luật kinh tế ----- Tín chỉ: 3[3.0.6]

- + Môn học mang đến cho sinh viên kiến thức cơ bản và nâng cao về pháp luật trong kinh doanh, cơ cấu tổ chức, vận hành của các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, cơ chế giải thể, phá sản doanh nghiệp, những vấn đề pháp lý về hợp đồng và các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh

[BA49006] Phát triển kỹ năng quản trị ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết dành cho những nhà quản trị tương lai nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong tổ chức. Các chủ đề bao gồm nhận biết vai trò của một nhà quản trị, huấn luyện nhân viên cấp dưới hướng tới cải thiện hiệu quả làm việc, cách thức giao phó quyền hạn và nhiệm vụ hợp lý, quản lý kết quả công việc của cấp dưới, cách thức giao tiếp nhân sự thành công, và nhận biết các giai đoạn của học tập. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể trở thành nhà quản trị tài năng để tự tin làm tốt nhiệm vụ quản lý, đem lại thành công cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, hay tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức giáo dục, hay doanh nghiệp của bản thân.

[BA49007] Quản trị hành chính văn phòng ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Nội dung môn học cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về quản trị hành chính văn phòng, trang bị cho người học kỹ năng soạn thảo được các loại văn bản hành chính cần thiết, đồng thời giúp người học biết cách thức quản lý văn bản hành chính.

[BA19005] Quản trị chất lượng ----- Tín chi: 3[2.1.6]

- + Tất cả doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ cần phải hiểu rõ và đáp ứng nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Quản trị chất lượng khi được thực hiện một cách thích hợp và thành công sẽ giúp cho doanh nghiệp phục vụ khách hàng của họ tốt hơn và giành được lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Môn học này giới thiệu những khái niệm cơ bản về chất lượng, quản trị chất lượng, các hệ thống quản trị chất lượng (như quản trị chất lượng toàn diện – TQM, bộ tiêu chuẩn ISO 9000, bộ tiêu chuẩn ISO 14000, giải thưởng chất lượng) và cung cấp một số công cụ, kỹ thuật trong quản trị chất lượng (như các công cụ kiểm soát quá trình bằng thống kê, benchmarking, triển khai chức năng chất lượng – QFD) để thực hiện cải tiến chất lượng trong doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ.

[BA19006] Quản trị chuỗi cung ứng ----- Tín chi: 3[2.1.6]

- + Môn học này khảo sát những vấn đề chính liên quan đến việc thiết kế và quản trị chuỗi cung ứng, như là sự tích hợp hiệu quả các nhà cung cấp, nhà máy, nhà kho và các bên liên quan khác sao cho sản phẩm/dịch vụ được phân phối đến khách hàng đúng thời điểm và đủ số lượng, nhằm đáp ứng mục tiêu chính là tối thiểu tổng chi phí và thỏa mãn các yêu cầu dịch vụ khác nhau. Nội dung môn học bao gồm: khái niệm, phương pháp và công cụ trong thiết kế và quản trị chuỗi cung ứng, các ứng dụng hệ thống thông tin trong quản trị tồn kho, chiến lược phân phối, chiến lược thuê ngoài, và định giá trong chuỗi cung ứng.

[BA19007] Quản trị vận hành ----- Tín chi: 3[2.1.6]

- + Quản trị vận hành hướng trọng tâm vào việc quản trị hiệu quả quá trình chuyển hoá các yếu tố đầu vào (lao động, nguyên vật liệu, vốn, thông tin) thành các yếu tố đầu ra (sản phẩm và dịch vụ) nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng một cách phù hợp. Nội dung của môn học bao gồm chiến lược vận hành, lựa chọn quá trình và công nghệ, hoạch định công suất, bố trí sản xuất, quản trị hàng dự trữ, hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, và lập lịch trình sản xuất. Các nguyên tắc và khái niệm học được từ khóa học này sẽ áp dụng được cho bất kỳ ngành kinh doanh như là tổ chức hoạt động vì lợi nhuận, các công ty sản xuất, chế tạo, thương mại và dịch vụ.

[BA13011] Quản trị dự án ----- Tín chi: 3[2.1.6]

- + Hoạch định và thực hiện dự án là những hoạt động quan trọng trong phát triển kinh doanh và công nghiệp. Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để xem xét toàn bộ các giai đoạn của dự án với các khía cạnh quản trị, kinh tế, kỹ thuật, và tài chính qua đó có thể quản trị dự án một cách hiệu quả. Môn học bao gồm các nội dung: đánh giá và lựa chọn dự án, cơ cấu tổ chức dự án, xây dựng kế hoạch và thiết lập ngân sách, quản trị thời gian và tiến độ thực hiện dự án, phân bổ nguồn lực cũng như kiểm soát quá trình phát triển của dự án.

[BA29003] Quản trị bán hàng ----- Tín chi: 3[2.1.6]

- + Môn quản trị bán hàng trang bị cho sinh viên năng lực về hoạt động bán hàng, cách thức xây dựng, tổ chức và quản lý bán hàng của doanh nghiệp hiệu quả. Cụ thể, môn học này cung cấp cho sinh viên những khái niệm, công cụ về bán hàng, kỹ thuật trình bày gian hàng/cửa hàng, các chiến lược thúc đẩy bán hàng, phục vụ khách hàng và các kỹ năng cần thiết cho người quản lý bán hàng của doanh nghiệp. Sinh viên được thực hành giải quyết vấn đề theo tình huống thực tế.

[BA29004] Quản trị Marketing ----- Tín chi: 3[2.1.6]



- + Năng lực marketing là một năng lực cốt yếu nhằm tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế hội nhập toàn cầu. Do đó, nhà quản trị marketing hiện đại cần trang bị những năng lực marketing cần thiết để giúp doanh nghiệp giành lợi thế trên thị trường. Môn quản trị marketing cung cấp cho sinh viên kiến thức marketing chuyên sâu về quản trị marketing, từ khâu phân tích cơ hội thị trường, phát triển kế hoạch marketing, tổ chức, thực hiện các chương trình marketing cho đến khâu kiểm tra tính hiệu quả của chiến lược marketing. Sinh viên được thực hành thông qua phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp sáng tạo cho các tình huống thực tế.

[BA39009] Quản trị tài chính I ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản trị tài chính bao gồm tổng quan quản trị tài chính; thời giá của tiền; định giá trái phiếu và cổ phiếu; lợi nhuận và rủi ro. Mô hình định giá tài sản vốn (CAPM) cũng được đề cập trong môn học này. Ngoài ra, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về các tính chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp bao gồm chi phí sử dụng vốn thành phần và chi phí sử dụng vốn trung bình; những vấn đề cơ bản về phân tích và quyết định đầu tư dự án; phân tích và quyết định thuê tài sản để sinh viên có thể tự mình ra các quyết định về tài chính.

[BA39010] Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học Thiết lập và Thẩm định Dự án Đầu tư cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và nâng cao về đầu tư tài sản và dự án đầu tư bao gồm nghiên cứu nội dung và quy trình soạn thảo một dự án đầu tư; các vấn đề về sản phẩm và thị trường, kỹ thuật và công nghệ, tổ chức nhân sự và tiền lương của dự án; phân tích các vấn đề tài chính của dự án như vốn đầu tư, chi phí và doanh thu cũng như các phương pháp xây dựng dòng tiền của dự án; áp dụng công thức tính toán về dự báo nhu cầu tương lai, tính toán các chỉ tiêu về hiệu quả tài chính của dự án; nghiên cứu các chỉ tiêu hiệu quả về kinh tế-xã hội của dự án. Đồng thời, áp dụng các kỹ năng tin học để giải quyết các bài toán thực tế về thẩm định hiệu quả và các rủi ro tài chính của một dự án đầu tư.

[BA49008] Hành vi tổ chức ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học đề cập nội dung liên quan đến hành vi cá nhân, mối quan hệ giữa hành vi cá nhân và nhóm, và hành vi tổ chức. Về hành vi cá nhân, sinh viên có thể nhận thức khả năng, tính cách, phẩm chất của cá nhân ảnh hưởng đến các hành vi trong tổ chức, những lý thuyết động viên nhằm gia tăng mức độ hài lòng của người lao động dẫn đến tăng hiệu quả hoạt động của tổ chức. Về mối quan hệ giữa cá nhân và nhóm, sinh viên nhận ra các cách thức để dung hòa và phát huy mối quan hệ này tạo động lực phát triển cho tổ chức. Về hành vi tổ chức, sinh viên nhận biết các vấn đề văn hóa của tổ chức và quản lý sự thay đổi của tổ chức.

[BA49010] Quản trị nguồn nhân lực ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp hiệu quả, bao gồm 4 lĩnh vực chủ yếu: hoạch định nguồn nhân lực, thu hút và tuyển dụng, đào tạo và phát triển, duy trì quản lý nguồn nhân lực. Môn học giúp sinh viên trao đổi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng vấn ứng viên. Tiếp nhận đầy đủ kiến thức trong môn học sẽ giúp sinh viên có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động trong một tổ chức.

[BA49011] Đạo đức kinh doanh ----- Tín chỉ: 2[1.1.4]

- + Môn học Đạo đức kinh doanh trang bị cho người học hệ thống kiến thức về khái niệm đạo đức nói chung và đạo đức kinh doanh nói riêng, nhận biết về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa, đồng thời nhận diện và xây dựng chương trình đạo đức trong các hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên còn được

hiều thêm về sự đa dạng văn hóa doanh nghiệp, sự hình thành và thay đổi văn hóa doanh nghiệp trên thế giới và Việt Nam nói riêng.

[BA43016] Khởi nghiệp----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Với mong muốn hiện thực hóa mục tiêu giáo dục dành cho ngành Quản trị Kinh doanh là đào tạo ra các nhà quản trị, những doanh nhân trong tương lai, môn Khởi nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng, công cụ cần thiết để xây dựng một bản kế hoạch kinh doanh với tính khả thi cao, giúp người học vững tin khởi nghiệp từ những ý tưởng kinh doanh, khởi nghiệp của mình, để từ đó có thể giành được lợi thế cạnh tranh, phát triển bền vững.

[BA49009] Nghiệp vụ ngoại thương ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học trình bày những điều kiện thương mại quốc tế, các phương thức giao dịch sử dụng trong thương mại quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế, giới thiệu cách soạn thảo một hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế trên cơ sở các điều khoản mẫu, các bước thực hiện hợp đồng ngoại thương trong thực tế của hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hiện nay của Việt Nam. Bên cạnh đó, môn học còn phác thảo một quy trình thực hiện việc giao nhận hàng hóa trong thực tế

[BA49012] Quản trị chiến lược ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Với xu thế hội nhập hiện nay, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đang đứng trước những cơ hội, thách thức lớn, nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với các thuận lợi, khó khăn không nhỏ. Vì thế, để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế cần phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Môn học Quản trị chiến lược cung cấp cho người học những kiến thức rất nền tảng, cơ bản về quản trị chiến lược; đồng thời giúp người học trang bị những kỹ năng, công cụ để xây dựng, thực hiện thành công chiến lược phát triển công ty trong môi trường cạnh tranh toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ, và phát triển doanh nghiệp bền vững.

[BA43017] Quản trị rủi ro ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học cung cấp cho người học các kiến thức về rủi ro, phân loại rủi ro, đo lường rủi ro. Giúp người học phân tích được rủi ro trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Đề xuất các giải pháp phòng chống, hạn chế rủi ro hiện nay bằng các kỹ thuật tiên tiến nhất.

[BA23008] Hành vi người tiêu dùng ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Sự hiểu biết hành vi của người tiêu dùng là một năng lực cốt lõi của chuyên viên marketing, làm nền tảng cho thiết kế chiến lược và chương trình marketing hiệu quả. Môn hành vi người tiêu dùng cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hành vi người tiêu dùng thông qua các lý thuyết về tâm lý xã hội, nhân khẩu học, văn hóa và lý thuyết hành vi. Nội dung cụ thể bao gồm các khái niệm hành vi người tiêu dùng ứng dụng trong việc ra quyết định marketing, các mô hình hành vi tiêu dùng, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định mua hàng của người tiêu dùng và nghiên cứu hành vi người tiêu dùng.

[BA23009] Nghiên cứu Marketing ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Tổ chức thu thập thông tin tiếp thị. Phương pháp xác định vấn đề tiếp thị cần tiến hành nghiên cứu. Các phương pháp chọn mẫu nghiên cứu. Các phương pháp thu thập và phân tích thông tin tiếp thị thứ cấp và sơ cấp (bao gồm thông tin định tính và định lượng). Xử lý dữ liệu thu thập và viết báo cáo.

[BA23011] Quản trị quan hệ khách hàng----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Phát triển và duy trì khách hàng là nhiệm vụ cấp thiết của của nhà quản trị marketing trong bối cảnh cạnh tranh. Để đạt được mục tiêu này, chuyên viên/nhà quản trị marketing cần trang bị kiến thức về qui trình và công nghệ phục vụ quản trị quan hệ

khách hàng bao gồm khách hàng tiềm năng và khách hàng/đối tác kinh doanh hiện có của doanh nghiệp thông dựa vào lĩnh vực dịch vụ, marketing, bán hàng, kỹ năng phát triển giá trị khách hàng thông qua thấu hiểu vòng đời khách hàng. Sinh viên sẽ thực hành tổ chức và phân tích dữ liệu khách hàng để xây dựng kế hoạch phát triển mối quan hệ khách hàng.

[BA23012] Tiếp thị truyền thông và tích hợp----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Truyền thông tiếp thị tích hợp là sự phối hợp các công cụ, phương tiện truyền thông nhằm kiến tạo hình ảnh thương hiệu trong tâm trí khách hàng. Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng, các công cụ và phương tiện truyền thông sử dụng để chiêu thị, quảng bá sản phẩm/dịch vụ cho doanh nghiệp. Sinh viên được tiếp cận cách thức phân tích insight của khách hàng mục tiêu để thiết kế chương trình chiêu thị, quảng bá hình ảnh thương hiệu của sản phẩm hoặc doanh nghiệp.

[BA39004] Kế toán tài chính 1----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học Kế toán tài chính 1 giới thiệu phương pháp vận dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và hướng dẫn hình thành kỹ năng lập chứng từ, ghi sổ kế toán cơ bản trong các phân hành kế toán ở doanh nghiệp. Nội dung học phần gồm có kế toán nguyên, vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

[BA39005] Nghiệp vụ ngân hàng----- Tín chỉ: 2[1.1.4]

- + Nội dung của môn học giới thiệu tổng quan các hoạt động chủ yếu mà Luật các tổ chức tín dụng cho phép ngân hàng thương mại có thể thực hiện, cung cấp những kiến thức liên quan đến nghiệp vụ huy động vốn (huy động qua tài khoản tiền gửi, qua phát hành giấy tờ có giá), nghiệp vụ cấp tín dụng (nghiệp vụ cho vay khách hàng cá nhân, cho vay khách hàng doanh nghiệp, nghiệp vụ chiết khấu và bao thanh toán, nghiệp vụ cho thuê tài chính, nghiệp vụ bảo lãnh), nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt và các ví dụ vận dụng vào thực tiễn.

[BA33019] Đầu tư tài chính ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học Đầu tư tài chính cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và nâng cao về tài sản và đầu tư tài chính, áp dụng công thức tính toán rủi ro và tỷ suất lợi nhuận của từng tài sản và danh mục các tài sản tài chính, phân tích các lý thuyết và mô hình thông dụng làm cơ sở để xác định rủi ro và lợi nhuận trong đầu tư tài chính, và áp dụng kỹ năng tin học để giải quyết bài toán thực tế về quản lý và xác định hiệu quả của danh mục đầu tư.

[BA39008] Kế toán tài chính 2----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học Kế toán tài chính 2 giới thiệu phương pháp vận dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và hướng dẫn hình thành kỹ năng lập chứng từ, ghi sổ kế toán cơ bản trong các phân hành kế toán ở doanh nghiệp. Nội dung học phần gồm có kế toán thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm, kế toán các nghiệp vụ thanh toán, kế toán hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác, kế toán xác định kết quả kinh doanh, kế toán vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận.

[BA33020] Quản trị tài chính 2 ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về tài chính và ứng dụng những kiến thức này trong việc ra các quyết định quản trị tài chính trong một doanh nghiệp. Nội dung môn học gồm có ước lượng dòng tiền và phân tích rủi ro của dự án đầu tư; đọc hiểu và hoạch định báo cáo tài chính; quản trị các tài sản lưu động trong một doanh nghiệp bao gồm tiền mặt, hàng tồn kho, khoản phải thu; các vấn đề về sử dụng đòn bẩy kinh doanh và đòn bẩy tài chính; và chính sách cổ tức của công ty.

[BA39007] Kế toán quản trị ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến việc làm thế nào để thông tin tài chính và phi tài chính được truyền đạt một cách tốt nhất trong nội bộ doanh nghiệp, giúp cho nhà quản lý hoạch định và kiểm soát thành quả hoạt động của doanh nghiệp. Trọng tâm của môn học là trang bị cho sinh viên các kỹ thuật của kế toán quản trị nhằm phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh của nhà quản lý. Nội dung bao gồm giới thiệu tổng quan về môn học kế toán quản trị, phân loại chi phí; phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng - lợi nhuận; lập dự toán; phân tích biến động chi phí; đánh giá trách nhiệm quản lý; định giá bán sản phẩm; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị.

[BA43016] Khởi nghiệp----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Với mong muốn hiện thực hóa mục tiêu giáo dục dành cho ngành Quản trị Kinh doanh là đào tạo ra các nhà quản trị, những doanh nhân trong tương lai, môn Khởi nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng, công cụ cần thiết để xây dựng một bản kế hoạch kinh doanh với tính khả thi cao, giúp người học vững tin khởi nghiệp từ những ý tưởng kinh doanh, khởi nghiệp của mình, để từ đó có thể giành được lợi thế cạnh tranh, phát triển bền vững.

Nhóm môn học tự chọn:

[BA09001] Môn học tự chọn 1_QTKD Tổng hợp ----- Tín chỉ: 2[1.1.4]

- + Chọn một trong các môn học sau:

- [BA23007] Nghiên cứu thị trường-----Tín chỉ: 2[1.1.4]
- [BA13010] Hệ thống thông tin quản trị-----Tín chỉ: 2[1.1.3]

[BA09002] Môn học tự chọn 2_QTKD Tổng hợp ----- Tín chỉ: 2[1.1.4]

- + Chọn một trong các môn học sau:

- [BA39012] Quản trị ngân hàng thương mại-----Tín chỉ: 2[1.1.4]
- [BA39013] Thanh toán quốc tế-----Tín chỉ: 2[1.1.4]
- [BA29006] Thương mại điện tử-----Tín chỉ: 2[1.1.2]

[BA09003] Môn học tự chọn 3_QTKD Tổng hợp ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Chọn một trong các môn học sau:

- [BA29005] Marketing quốc tế-----Tín chỉ: 3[2.1.6]
- [BA49014] Nghệ thuật lãnh đạo-----Tín chỉ: 3[2.1.6]

[BA09004] Môn học tự chọn 1_QT Marketing----- Tín chỉ: 2[1.1.4]

- + Chọn một trong các môn học sau:

- [BA39012] Quản trị ngân hàng thương mại-----Tín chỉ: 2[1.1.4]
- [BA39013] Thanh toán quốc tế-----Tín chỉ: 2[1.1.4]

[BA09005] Môn học tự chọn 2_QT Marketing----- Tín chỉ: 2[1.1.4]

- + Chọn một trong các môn học sau:

- [BA29006] Thương mại điện tử-----Tín chỉ: 2[1.1.2]
- [BA23010] Marketing dịch vụ-----Tín chỉ: 2[1.1.4]

[BA09006] Môn học tự chọn 3_QT Marketing----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Chọn một trong các môn học sau:

- [BA29005] Marketing quốc tế-----Tín chỉ: 3[2.1.6]
- [BA43016] Khởi nghiệp-----Tín chỉ: 3[2.1.6]
- [BA49014] Nghệ thuật lãnh đạo-----Tín chỉ: 3[2.1.6]

[BA09007] Môn học tự chọn 1_QT Tài chính----- Tín chỉ: 2[1.1.4]

- + Chọn một trong các môn học sau:

- [BA39012] Quản trị ngân hàng thương mại-----Tín chỉ: 2[1.1.4]

- [BA39013] Thanh toán quốc tế-----Tín chỉ: 2[1.1.4]
- [BA09008] Môn học tự chọn 2_QT Tài chính----- Tín chỉ: 2[1.1.4]
- + Chọn một trong các môn học sau:
 - [BA23010] Marketing dịch vụ-----Tín chỉ: 2[1.1.4]
 - [BA29006] Thương mại điện tử-----Tín chỉ: 2[1.1.2]
- [BA09009] Môn học tự chọn 3_QT Tài chính----- Tín chỉ: 3[2.1.6]
- + Chọn một trong các môn học sau:
 - [BA43016] Khởi nghiệp-----Tín chỉ: 3[2.1.6]
 - [BA33021] Quản trị chi phí-----Tín chỉ: 3[2.1.6]
 - [BA29005] Marketing quốc tế-----Tín chỉ: 3[2.1.6]

Tóm tắt nội dung của các môn học tự chọn:

- [BA43016] Khởi nghiệp----- Tín chỉ: 3[2.1.6]
- + Với mong muốn hiện thực hóa mục tiêu giáo dục dành cho ngành Quản trị Kinh doanh là đào tạo ra các nhà quản trị, những doanh nhân trong tương lai, môn Khởi nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng, công cụ cần thiết để xây dựng một bản kế hoạch kinh doanh với tính khả thi cao, giúp người học vững tin khởi nghiệp từ những ý tưởng kinh doanh, khởi nghiệp của mình, để từ đó có thể giành được lợi thế cạnh tranh, phát triển bền vững.
- [BA23007] Nghiên cứu thị trường----- Tín chỉ: 2[1.1.4]
- + Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cơ bản để thực hiện dự án nghiên cứu thị trường. Cụ thể, sinh viên được cung cấp qui trình nghiên cứu thị trường, từ giai đoạn nhận diện vấn đề nghiên cứu, xác định mục tiêu nghiên cứu, lựa chọn kỹ thuật thu thập dữ liệu, phân tích xử lý dữ liệu đến giai đoạn hoàn thành báo cáo kết quả nghiên cứu thị trường. Ngoài ra, sinh viên sẽ thực hiện dự án nghiên cứu thị trường thực tế.
- [BA13010] Hệ thống thông tin quản trị----- Tín chỉ: 2[1.1.3]
- + Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò, cơ cấu, phương pháp quản trị và ứng dụng hệ thống thông tin quản trị (HTTT QT) trong quản trị doanh nghiệp, bao gồm các nội dung chính là các khái niệm cơ bản, vai trò và các thành phần của HTTT QT, phân tích và thiết kế HTTT QT, đánh giá hiệu quả kinh tế của việc ứng dụng HTTT QT. Sinh viên sẽ được thực hành trong phòng máy, sử dụng các phần mềm Microsoft Visio và Microsoft Access.
- [BA49014] Nghệ thuật lãnh đạo ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]
- + Môn học mang đến cho người học những hiểu biết về nghệ thuật quản lý và lãnh đạo trong quản trị hiện đại, nhận diện thế nào là nhà lãnh đạo, các phong cách lãnh đạo và vận dụng để lãnh đạo thành công, cách thức thiết lập và sử dụng quyền lực, cùng với nghệ thuật sử dụng nhân tài hiệu quả, từ đó tạo niềm tin để phấn đấu trở thành nhà lãnh đạo trong tương lai.
- [BA39012] Quản trị ngân hàng thương mại----- Tín chỉ: 2[1.1.4]
- + Môn học sẽ giới thiệu một cách khái quát những vấn đề liên quan đến quản trị ngân hàng thương mại gồm có quản lý tài sản nợ, quản lý tài sản có, quản lý vốn chủ sở hữu, quản trị rủi ro trong các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng và các vấn đề liên quan đến thu nhập, chi phí, lợi nhuận của ngân hàng thương mại.
- [BA39013] Thanh toán quốc tế----- Tín chỉ: 2[1.1.4]
- + Môn học Thanh toán Quốc tế đề cập các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến hoạt động thanh toán trong lĩnh vực ngoại thương. Nội dung cơ bản của môn học này là các hình thức thanh toán phổ biến trong hoạt động ngoại thương mà các doanh nghiệp hiện nay

đang sử dụng. Thông qua đó, dẫn dắt sinh viên làm quen bộ chứng từ thanh toán, điều kiện giao hàng, điều kiện thanh toán, và một số nội dung khác liên quan đến thanh toán quốc tế.

[BA29005] Marketing quốc tế----- Tín chi: 3[2.1.6]

- + Trong bối cảnh toàn cầu hoá trên phạm vi toàn thế giới, nhiều doanh nghiệp đã và đang mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh vươn ra các khu vực, quốc gia nhằm phát triển cơ hội kinh doanh. Sự thành công của các doanh nghiệp này phụ thuộc vào việc áp dụng các chính sách marketing tại các thị trường nước ngoài. Môn học mang đến sinh viên kiến thức về marketing quốc tế gồm có hiểu biết về môi trường văn hóa, xã hội, chính trị, và luật pháp; quản lý các chiến lược xâm nhập thị trường, lập kế hoạch marketing quốc tế, và quản trị hỗn hợp marketing quốc tế trong môi trường toàn cầu.

[BA29006] Thương mại điện tử----- Tín chi: 2[1.1.2]

- + Với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu đã tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp. Ngày nay, dù muốn hay không thì các doanh nghiệp trong nước cũng khó mà chối bỏ việc tham gia vào thị trường thương mại điện tử. Môn Thương mại điện tử sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng Internet và thương mại điện tử, các hình thức kinh doanh trên Internet, đặc tính thị trường mạng, hành vi khách hàng và các công cụ marketing điện tử. Sinh viên được thực hành thông qua việc phân tích, xây dựng và lập kế hoạch phát triển các mô hình kinh doanh thương mại điện tử.

[BA23010] Marketing dịch vụ----- Tín chi: 2[1.1.4]

- + Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về marketing trong ngành dịch vụ. Cụ thể, nội dung môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm cốt lõi, công cụ liên quan đến marketing dịch vụ, nghiên cứu hành vi người tiêu dùng trong ngành dịch vụ, từ đó thiết kế và thực hiện các chương trình marketing. Ngoài ra, môn học này còn tập trung vào mô hình hỗn hợp marketing dịch vụ 7P.

[BA33021] Quản trị chi phí----- Tín chi: 3[2.1.6]

- + Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên được trang bị kiến thức về quản trị trong hoạt động kiểm soát chi phí với nội dung gồm có tổng quan về quản trị chi phí, một số khái niệm chi phí cơ bản, xác định chi phí theo hoạt động, chi phí trong quá trình hoạch định và quyết định, hệ thống quản trị chi phí, và kiểm soát quản trị.

Nhóm môn bài thi tốt nghiệp

[GS79004] Lý luận chính trị cuối khóa----- Tín chi: 0[1.1.4]

- + Sự ra đời của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Những giai đoạn phát triển của Chủ nghĩa Xã hội
 - Từ chủ nghĩa xã hội không tưởng đến Chủ nghĩa Xã hội khoa học
 - Từ Chủ nghĩa Xã hội khoa học đến Chủ nghĩa Xã hội hiện thực (1917)
 - Chủ nghĩa Xã hội hiện nay.
- + Phạm trù vật chất, phạm trù ý thức, mối quan hệ giữa vật chất/ý thức. Đảng ta vận dụng luận điểm trên trong quá trình đổi mới nền kinh tế đất nước ta, trong thời kỳ quá độ.
- + Quá trình hình thành ý thức, nguồn gốc, bản chất và các yếu tố cơ bản tham gia vào quá trình hình thành ý thức.
- + Cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.
 - Vì sao quan hệ sản xuất là nhân tố quyết định của cơ sở hạ tầng.
 - Những yếu tố của kiến trúc thượng tầng tác động trở lại cơ sở hạ tầng. Vai trò của văn hóa, luật pháp, đạo đức của nhà nước thể hiện như thế nào?

- Xây dựng chính phủ kiến tạo, quốc gia khởi nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 12 của Đại hội Đảng.
- + Sản xuất hàng hóa là gì? Điều kiện ra đời đặc trưng và ưu thế, hạn chế của sản xuất hàng hóa. Xác định các thành phần kinh tế ở nước ta trong giai đoạn đổi mới.
- + Hàng hóa là gì? Hai thuộc tính của hàng hóa. Tại sao nói giá trị sử dụng và giá trị là 2 mặt đối lập của sự thống nhất trong 1 hàng hóa.
- + Hàng hóa sức lao động là gì? Quá trình sản xuất giá trị thặng dư, tuần hoàn và chu chuyển.
- + Vì sao Đảng ta chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa. (Nắm vững nguyên tắc và kiên trì định hướng lên CNXH)
- + Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân: Khái niệm đặc trưng, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:
 - Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam đối với dân tộc từ khi có Đảng lãnh đạo.
- + Vấn đề dân tộc của Chủ nghĩa Mác - Lênin, và sự vận dụng của Đảng ta để xây dựng chính sách dân tộc trong thời quá độ lên Chủ nghĩa Xã hội.
- + Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa. Đảng ta chủ trương xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.
- + Quan điểm của Hồ Chí Minh về đạo đức. Sự vận dụng của Đảng ta trong việc xây dựng nền đạo đức trong thời đại Hồ Chí Minh.

[BA03151] Thực tập tốt nghiệp----- Tín chỉ: 3[0.3.3]

- + Thực tập tốt nghiệp: sinh viên được yêu cầu tiếp cận, tìm hiểu và viết báo cáo về một nội dung sinh viên đã chọn để tìm hiểu thực tế tại doanh nghiệp sinh viên thực tập; để thực hành ứng dụng những lý thuyết đã học vào thực tế doanh nghiệp. Đây là những đề tài mới đòi hỏi sinh viên phải tìm tòi nghiên cứu hoặc tìm giải pháp cho các vấn đề tồn tại tại doanh nghiệp.
- + Từ đợt thực tập tốt nghiệp sinh viên nhận xét rút kinh nghiệm và sau khi đã bỏ xung những kiến thức chuyên môn cần thiết, sinh viên có thể sẽ chọn và thực hiện đề tài Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp sau đó bảo vệ đề tài trước Hội đồng chấm và bảo vệ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp.

[BA03152] Bài thi tốt nghiệp [chọn hình thức]----- Tín chỉ: 7[0.0.7]

- + Chọn một trong hai hình thức: Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp; hay học môn thay thế bài thi tốt nghiệp.
 - [BA03153] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp-----Tín chỉ: 7[0.7.7]
 - [BA23157] TT_BTTN_Marketing giữa các tổ chức-----Tín chỉ: 2[1.1.4]
 - [BA13158] TT_BTTN_Quản trị dịch vụ-----Tín chỉ: 3[2.1.6]
 - [BA33159] TT_BTTN_Thị trường tài chính phái sinh-----Tín chỉ: 2[1.1.4]
- + Việc tổ chức hình thức nào do Trường quyết định và thông báo cho sinh viên.
- + Đối với hình thức Khóa luận tốt nghiệp:
 - Sinh viên có thể chọn đề tài Khóa luận tốt nghiệp (dựa vào việc tìm hiểu và nghiên cứu đề tài trong thời gian thực tập tốt nghiệp) hay thực hiện theo hướng dẫn của khoa.
- + Đối với hình thức nhóm môn thay thế Bài thi tốt nghiệp:
 - Sinh viên được phụ đạo, ôn tập và thi những nội dung liên quan đến ngành và chuyên ngành được đào tạo.

[BA03153] Khóa luận tốt nghiệp----- Tín chỉ: 7[0.7.7]

[BA23157] TT_BTTN_Marketing giữa các tổ chức----- Tín chỉ: 2[1.1.4]

- + Hành vi mua hàng của các doanh nghiệp là ẩn số rất phức tạp đối với những chuyên viên bán hàng và marketing. Việc thấu hiểu động cơ mua hàng của khách hàng doanh nghiệp là một năng lực cốt yếu để xây dựng thành công các chương trình marketing và bán hàng cho các doanh nghiệp đó. Để giúp sinh viên hiểu rõ cách thức marketing cho khách hàng doanh nghiệp thì môn marketing giữa các tổ chức trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng liên quan đến phân tích hành vi khách hàng doanh nghiệp, xác định cơ hội thị trường, xây dựng kế hoạch và chương trình marketing nhằm xây dựng mối quan hệ lâu dài, đôi bên cùng có lợi.

[BA13158] TT_BTTN_ Quản trị dịch vụ ----- Tín chỉ: 3[2.1.6]

- + Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các nguyên lý và lý thuyết quản trị các hoạt động dịch vụ. Chủ đề chính trong quản trị các hoạt động dịch vụ sẽ được nghiên cứu theo quan điểm tích hợp với trọng tâm là sự hài lòng của khách hàng và cung cấp dịch vụ. Khu vực dịch vụ là khu vực phát triển nhanh nhất trong những năm gần đây trên thế giới, và các công ty dịch vụ có những đặc điểm độc đáo đặt ra những thách thức cho các nhà quản trị. Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm và công cụ cần thiết để hiểu được những đặc điểm này và cung cấp các giải pháp cho các vấn đề quản trị quan trọng. Các chủ đề được thảo luận bao gồm mô tả các hệ thống dịch vụ, chiến lược dịch vụ, thiết kế dịch vụ, tiếp xúc dịch vụ, định vị và bài trí cơ sở dịch vụ, quản trị và cải thiện chất lượng dịch vụ, quản trị cung cầu dịch vụ và quản trị các hàng chờ.

[BA33159] TT_BTTN_ Thị trường tài chính phái sinh ----- Tín chỉ: 2[1.1.4]

- + Môn học giới thiệu và phân tích các công cụ phái sinh như Hợp đồng kỳ hạn (Forward), Hợp đồng giao sau (Future) và Hợp đồng quyền chọn (Options). Các công cụ này được sử dụng bởi các định chế cũng như các nhà đầu tư để phòng vệ rủi ro về tỷ giá. Các chủ đề môn học gồm có giới thiệu cơ cấu định giá các công cụ phái sinh, và nghiên cứu một vài ứng dụng của kỹ thuật định giá công cụ phái sinh bên ngoài thị trường phái sinh, cơ chế vận hành thị trường hợp đồng giao sau, các chiến lược phòng ngừa sử dụng hợp đồng giao sau, xác định giá hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng giao sau, cơ chế thị trường quyền chọn, đặc điểm quyền chọn cổ phiếu.

14. Chương trình đào tạo được biên soạn và cập nhật: ----- Tháng 05/2017

15. Chương trình đào tạo được thẩm định và thông qua: ----- Năm 2017

16. Chương trình đào tạo được áp dụng từ: ----- Năm học 2017 – 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017

P. Trưởng Khoa chuyên môn



ThS. DƯƠNG QUANG MỸ



Hiệu trưởng

PGS.TS. Cao Hào Thi